

Câu 10. Khi tham gia vào các quan hệ kinh tế quốc tế, các quốc gia thoả thuận, cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hoá của nhau là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. liên minh kinh tế.
- B. thị trường chung.
- C. thoả thuận thương mại ưu đãi.
- D. hiệp định thương mại tự do.

Câu 11. Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền theo và

- A. thực hành giáo lý.
- B. miễn các loại thuế.
- C. vi phạm pháp luật.
- D. phản đối Hiến pháp.

Câu 12. Nghi ngờ con trai mình sang nhà ông H để cá độ bóng đá, ông K đã tự ý xông vào nhà ông H để tìm con. Ông K đã vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Được pháp luật bảo hộ về danh dự.
- B. Bất khả xâm phạm về thân thể.
- C. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- D. Được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

Câu 13. Theo quy định của pháp luật, khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo công dân có nghĩa vụ

- A. tìm hiểu giáo lý, giáo luật.
- B. tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.
- C. ép buộc người khác theo mình.
- D. bày tỏ niềm tin tôn giáo.

Câu 14. Theo quy định của pháp luật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được cơ quan chức năng

- A. chủ động thu thập và lưu trữ
- B. tiến hành sao kê và cất giữ.
- C. bảo đảm an toàn và bí mật.
- D. thực hiện in ấn và phân loại.

Câu 15. Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

- A. gia tăng lệ thuộc vào thế giới.
- B. giải quyết tốt vấn đề việc làm.
- C. tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều.
- D. gia tăng phân hóa giàu nghèo.

Câu 16. Theo quy định của pháp luật, quyền tự do báo chí của công dân thể hiện ở việc, mọi công dân đều được

- A. cấp phát báo miễn phí.
- B. cấp căn cước công dân.
- C. cấp thẻ hành nghề báo.
- D. tiếp cận thông tin báo chí.

Câu 17. Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Tận dụng được nguồn tài chính.
- B. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.
- C. Được chuyển lên thành nước lớn.
- D. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.

Câu 18. Người làm nhiệm vụ chuyển phát thư tín, điện tín **không** vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín khi tự ý thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Phát tán công văn gửi nhầm địa chỉ.
- B. Tiêu hủy thư không có người nhận.
- C. Chia sẻ điện tín của khách hàng.
- D. Lựa chọn dịch vụ điện hoa.

Câu 19. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. song phương.
- B. châu lục.
- C. khu vực.
- D. toàn cầu.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 20, 21, 22

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 USD - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.
- C. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.
- D. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).

Câu 21. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong giai đoạn này?

- A. Không đáng kể. B. Quyết định nhất. C. Kim hãm. D. Động lực.

Câu 22. Nội dung nào dưới đây về phát triển kinh tế không được đề cập trong thông tin trên?

- A. Tốc độ tăng dân số hàng năm.
B. Thu nhập quốc nội theo đầu người (GDP/người).
C. Tổng sản phẩm quốc dân (GDP).
D. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 23, 24

Năm 2023 đã chứng kiến nhiều cột mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Ngoài việc thực hiện 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam còn kí kết FTA song phương với Israel (VIFTA) và hoàn tất đàm phán với UAE mở ra cánh cửa thị trường Trung Đông, với quy mô GDP khoảng 2 000 tỉ USD.

(Theo: Báo Mới, “Dấu ấn hội nhập kinh tế quốc tế năm 2023”, ngày 02/01/2024)

Câu 23. Việc Việt Nam tham gia hợp tác kinh tế quốc tế với Israel (VIFTA) thể hiện cấp độ nào của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Cấp độ toàn cầu. B. Cấp độ đa phương.
C. Cấp độ khu vực. D. Cấp độ song phương.

Câu 24. Việc Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ đem lại lợi ích gì?

- A. Thu hẹp thị trường xuất, nhập khẩu. B. Giảm nguy cơ cạnh tranh.
C. Tách biệt mối quan hệ kinh tế. D. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

(Thí sinh đọc thông tin và trả lời từ câu 1 đến câu 4 trên phiếu trả lời trắc nghiệm. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh tô vào một trong hai ô tròn Đ (đúng) hoặc S (sai)).

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Tăng trưởng kinh tế là khái niệm để chỉ sự gia tăng về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kì nhất định và thường được đo bằng chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng thu nhập quốc dân (GNI). Tăng trưởng kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Nó là tiền đề vật chất để giải quyết hàng loạt vấn đề, đặc biệt là những vấn đề xã hội như xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của nhân dân, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho những người lao động. Tốc độ tăng trưởng nhanh có thể làm cho một quốc gia nghèo đuổi kịp và vượt qua quốc gia giàu có. Trong điều kiện toàn cầu hoá, các nước đang phát triển thường lựa chọn tăng trưởng kinh tế cao là mục tiêu hàng đầu.

(Theo: Tạp chí Tuyên giáo, “Tăng trưởng kinh tế và phân phối công bằng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, ngày 12/10/2018)

a) Đề giải quyết triệt để vấn đề xoá đói giảm nghèo, Đảng và Nhà nước ta đã đề xuất nhiều giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội là biểu hiện của nền kinh tế đang suy thoái.

c) Tăng trưởng kinh tế cao và bền vững luôn là một trong những mục tiêu về kinh tế đối với Việt Nam.

d) Để mọi người có thu nhập cao và ổn định, có cuộc sống ấm no và phát triển con người toàn diện thì các quốc gia phải thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Sự gia tăng được thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm giữa các thời kì. Thu nhập của nền kinh tế có thể biểu hiện dưới dạng hiện vật hoặc giá trị. Thu nhập bằng giá trị phản ánh qua các chỉ tiêu GDP, GNI và được tính cho toàn thể nền kinh tế hoặc tính bình quân trên đầu người. Ngày nay, yêu cầu tăng trưởng kinh tế được gắn liền với tính bền vững hay việc bảo đảm chất lượng tăng trưởng ngày càng cao. Theo khía cạnh này, điều được nhấn mạnh nhiều hơn là sự gia tăng liên tục, có hiệu quả của chỉ tiêu quy mô và tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người. Hơn thế nữa, quá trình ấy phải được tạo nên bởi nhân tố đóng vai trò quyết định là khoa học, công nghệ và vốn nhân lực trong điều kiện một cơ cấu kinh tế hợp lí.

(Theo: Tạp chí Công thương, “Lí luận tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- a) Tổng sản phẩm quốc nội và tổng thu nhập quốc dân là các chỉ tiêu quan trọng của tăng trưởng kinh tế.
- b) Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần nhưng chưa đủ để đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.
- c) Tăng trưởng kinh tế thể hiện thông qua quy mô và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.
- d) Tăng trưởng kinh tế phản ánh sự thay đổi về chất của nền kinh tế.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Hà Nội là nơi có nhiều danh thắng nổi tiếng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Với mong muốn tham gia hỗ trợ các hoạt động kinh tế, vào những dịp cuối tuần, H lại đến những địa điểm du lịch để làm hướng dẫn viên tình nguyện cho du khách trong và ngoài nước. Nhờ vậy, H có thêm nhiều người bạn mới và khả năng giao tiếp ngoại ngữ của H cũng được cải thiện đáng kể. H cũng tích cực tìm hiểu về nền kinh tế và sự đa dạng văn hoá của các nước trên thế giới để có thể chủ động trong giao tiếp và kết bạn với nhiều người hơn, mở ra những cơ hội mới trong tương lai.

- a) Việc làm của H thể hiện trách nhiệm của công dân trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- b) Trong quá trình tiếp xúc với du khách nước ngoài, H nên tranh thủ học tất cả các yếu tố khác nhau của các nước.
- c) Dịch vụ du lịch tại Hà Nội góp phần làm hài lòng du khách tham quan, không có vai trò trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- d) Việc H làm hướng dẫn viên tình nguyện cho du khách trong và ngoài nước là việc làm không phù hợp.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong cuộc họp thôn X bàn về giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã. Khi ông A trưởng thôn đề cử chị G là người có năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu của vị trí ứng cử thì anh K kiên quyết phản đối với lí do chị G là người theo đạo. Đồng quan điểm với anh K, bà L cho rằng người theo đạo thì không thể tham gia ứng cử. Chị M thì cho rằng quyền bầu cử và ứng cử không phân biệt lí do tôn giáo nên ủng hộ đề xuất của ông A.

- a) Việc ông A đề xuất giới thiệu chị G tham gia ứng cử là vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.
- b) Anh K và bà L trong tình huống trên đã vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.
- c) Chị G trong tình huống trên theo đạo nhưng vẫn có quyền bầu cử và ứng cử.
- d) Người tham gia ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp thì không được theo tôn giáo nào.

----- HẾT -----

Định dạng	Câu/Lệnh	281	282	283	284	285	286
PHẦN I	1	A	C	D	B	D	D
	2	A	D	B	B	A	B
	3	A	B	C	C	D	C
	4	A	C	D	C	A	A
	5	A	C	A	D	C	D
	6	C	C	C	C	C	C
	7	A	A	C	B	C	D
	8	C	D	C	C	A	D
	9	D	C	B	C	D	A
	10	C	B	C	A	C	B
	11	A	B	B	B	C	A
	12	C	A	B	D	B	D
	13	B	C	C	D	D	A
	14	C	B	D	B	D	B
	15	B	B	D	D	D	D
	16	D	A	A	D	A	C
	17	A	D	B	C	A	A
	18	D	B	B	C	B	C
	19	A	D	C	B	C	A
	20	C	A	B	C	B	C
	21	D	D	B	B	D	C
	22	A	D	A	C	C	C
	23	D	A	B	D	A	A
	24	D	B	D	A	B	C
PHẦN II	1a	Đ	S	Đ	S	S	S
	1b	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ
	1c	Đ	Đ	S	Đ	S	S
	1d	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S
	2a	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S
	2b	Đ	S	S	Đ	S	Đ
	2c	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
	2d	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
	3a	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ
	3b	S	Đ	S	Đ	S	S
	3c	S	S	Đ	S	Đ	Đ
	3d	S	S	Đ	S	S	Đ
	4a	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
	4b	Đ	S	S	S	Đ	Đ
	4c	Đ	S	S	S	S	S
	4d	S	Đ	S	S	Đ	S